TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1230/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29-11-2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Thế Đông

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Bông Hường

Ông Võ Ngọc Đúng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Thành – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 320/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 271/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Ngô Kiều M Đ, sinh năm 198x; địa chỉ: Số M đường N, phường O, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị M P, sinh năm 198x; địa chỉ: Số M đường N, phường O, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Đ và bà P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Ngô Kiều M Đ trình bày: Sau thời gian tự nguyện tìm hiểu, ông bà Nguyễn Thị M P đã quyết định tiến tới hôn nhân, hai người đã tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường O, quận T ngày 01/11/2011. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau giữa hai người thường xuyên bất đồng quan điểm sống về mọi mặt, không thể chia sẻ với nhau những khó khăn trong cuộc sống và công việc; mâu thuẫn phát sinh ngày càng nhiều và không thể giải quyết được. Hai người đã sống ly thân. Trước đây, khi được gia

đình hai bên động viên, ông đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng không thực hiện được. Vì mâu thuẫn giữa hai người ngày càng trầm trọng, không thể nhường nhịn, thiếu sự tôn trọng lẫn nhau nên không thể tiếp tục chung sống với nhau. Hiện tại, mỗi người đều có cuộc sống riêng, đời sống hôn nhân không còn. Ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với bà P để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Ông và bà P có một con chung là Ngô Kiều M Đ1, sinh ngày --/--/2016. Sau khi ông nộp đơn ly hôn thì bà P đã dọn ra ở riêng cùng với con. Hiện nay, bà P là người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục bé Đ1 và ông cũng nhận thấy con còn quá nhỏ nên cần có sự chăm sóc của mẹ. Do đó, ông đồng ý để bà P được quyền trực tiếp nuôi con và ông sẽ cấp dưỡng cho con là 3.000.000 đồng/tháng khi ly hôn.

Về tài sản chung: Ông và bà P không có tài sản chung hay nợ chung nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Bản tự khai tại Tòa án, bị đơn là bà Nguyễn Thị M P trình bày: Hai bên tự nguyên tìm hiểu và tiến tới hôn nhân vào năm 2011, có đăng ký kết hôn ngày 01/11/2011 tại Ủy ban nhân dân phường O, quận Tân Phú. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại căn nhà Số M đường N, phường O, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc và có một con chung. Từ năm 2018, hai người phát sinh mâu thuẫn vì bà cho rằng ông Đ có tình cảm với người khác nhưng không có chứng cứ chứng minh. Hai vợ chồng thường xuyên đi làm, công việc áp lực nên ít có thời gian quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Đến tháng 4 năm 2019 thì hai người sống ly thân cho đến nay. Ông Đ ít quan tâm, chăm sóc vợ con như bà mong muốn nên tình cảm vợ chồng phai nhạt. Do đó, bà đồng ý ly hôn để ổn định cuộc sống. Ông, bà có một con chung là Ngô Kiều M Đ1, sinh ngày --/--/2016, hiện do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên bà đề nghị được tiếp tục nuôi con. Đồng ý với đề nghị cấp dưỡng cho con 3.000.000 đồng một tháng của ông Đ. Hai người không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được vì ông Đ có đơn xin vắng mặt, bà P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/11/2019, ông Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Ngày 27/11/2019, bà P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ông Ngô Kiều M Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với bà Nguyễn Thị M P, địa chỉ đăng ký thường trú: Số M đường N, phường O, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục: Ông Đ, bà P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự và Giấy chứng nhận kết hôn Số 353/2011, Quyển số 02/2011, đăng ký ngày 01/11/2011 tại Ủy ban nhân dân phường O, quận T thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Đ và bà P là hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu ly hôn: Căn cứ vào lời khai các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy vợ chồng ông Đ và bà P phát sinh mâu thuẫn đã lâu nhưng không thể hàn gắn được; giữa hai người có bất đồng trong cuộc sống gia đình dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Ông Đ có yêu cầu ly hôn và bà P đồng ý ly hôn để ổn định cuộc sống. Mặt khác, ông bà sống ly thân từ giữa năm 2019 cho đến nay, giữa hai người đã không còn đời sống chung của vợ chồng và mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn yêu thương, chăm sóc, quan tâm lẫn nhau. Từ những lý do vừa nêu, xét thấy tình trạng hôn nhân của ông Đ và bà P đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không Đ được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Ông Đ và bà P xác định có một con chung là Ngô Kiều M Đ1, sinh ngày --/--/2016. Khi ly hôn, ông Đ yêu cầu giao con chung cho bà P trực tiếp nuôi và cấp dưỡng cho con 3.000.000 đồng một tháng; bà P đồng ý với yêu cầu này. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về việc giao con chung cho bà P trực tiếp nuôi, ông Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con 3.000.000 đồng một tháng, thực hiện từ sau khi ly hôn cho đến khi người được cấp dưỡng đủ 18 tuổi.

[6] Về tài sản chung: Ông Đ và bà P xác định không có tài sản chung hay nợ chung, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng và án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng, tổng cộng là 600.000 đồng.

[8] Các kiến nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điều 36, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 2 Điều 227 và Điều 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 57, 58, 59, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Kiều M Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Ngô Kiều M Đ được ly hôn với bà Nguyễn Thị M P.

2. Về con chung: Ông Đ và bà P có một con chung là Ngô Kiều M Đ1, sinh ngày --/--/2016. Khi ly hôn, giao con chung cho bà P trực tiếp nuôi.

Ông Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung 3.000.000 đồng một tháng, thực hiện hàng tháng từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi người được cấp dưỡng đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà P có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu ông Đ không thi hành hoặc thi hành không đúng nghĩa vụ cấp dưỡng thì ông Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

3. Về tài sản chung: Ông Đ, bà P xác định không có tài sản chung hay nợ chung, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng và án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng, tổng cộng 600.000 đồng do ông Đ chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012791 ngày 12/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, ông Đ còn phải nộp 300.000 đồng án phí.

5. Ông Đ, bà P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Phú;
- THADS Q.Tân Phú;
- UBND P. O, Q. T;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký tên và đóng dấu)

Đỗ Thế Đông